

Số: **51/2020/QĐST-HN&GD**

Yên Thành, ngày 16 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: **74/2020/TLST - HNGĐ**, Ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N – sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: xóm 6A, xã T, huyện Y, tỉnh N.

- Bị đơn: Anh Phan Văn Đ – sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: xóm 6A, xã T, huyện Y, tỉnh N.

Căn cứ vào điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 03 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Phan Văn Đ.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Phan Văn Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Giao 03 con chung là Phan Thị Thùy L – sinh ngày 02/01/2008; Phan Thị Thanh T – sinh ngày 08/10/2010 và Phan Văn Q – sinh ngày 05/8/2017 cho chị Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Phan Văn Đ đến khi có yêu cầu.

Anh Phan Văn Đ có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở

- **Về tài sản chung vợ chồng:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Thỏa thuận chị Trần Thị N chịu 150.000(một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn. Án phí của chị N được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.635.000(mười triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn) đồng chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Y theo biên lai số 0000302 ngày 17/02/2020. Hoàn trả lại cho chị N số dư tạm ứng án phí là 10.485.0000(mười triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại khoản điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKS cùng cấp.
- Các đương sự.
- Chi cục THA Dân sự.
- UBND Xã
- Lưu HS

THẨM PHÁN

Lê Thị Nhung

